

**Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Địa chỉ: Số 210 Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền,

Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

MST: 0105202998

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **HỢP NHẤT**

### **QUÝ III/2020**

*Hà Nội, tháng 10 năm 2020*

**Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Địa chỉ: Số 210 Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền,

Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

MST: 0105202998

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **HỢP NHẤT**

### **QUÝ III/2020**

*Hà Nội, tháng 10 năm 2020*



# CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHLDINGS

Địa chỉ: Số 210 đường Trần Quang Khải, P Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Quý III năm 2020

Mẫu số B09A-DN

### 1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Thaiholdings được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105202998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24 tháng 03 năm 2011 và được đăng ký thay đổi lần thứ 14 vào ngày 09 tháng 03 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105202998 thay đổi lần thứ 14 cấp ngày 09 tháng 03 năm 2020 là 539.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm ba mươi chín tỷ đồng chẵn ./.*)

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình kỹ thuật, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, nạo vét các tuyến sông và công trình thủy lợi, khoan phụt, gia cố đê điều,...
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản
- Bán buôn thực phẩm;

*Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, gồm: Bán buôn thịt gia súc, gia cầm tươi, đông lạnh, sơ chế; Bán buôn các sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm, nội tạng thịt từ gia súc, gia cầm, trừ bán buôn gia súc, gia cầm sống.*

- Ngành nghề kinh doanh khác theo chứng nhận đăng ký hành nghề kinh doanh.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính tại số 210, Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

#### Công ty có các công ty con như sau:

##### + Công ty TNHH đầu tư và phát triển THD

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700757927 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 31 tháng 07 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 14 tháng 08 năm 2020.
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700757927 thay đổi lần thứ 7 ngày 14 tháng 08 năm 2020 là 20.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng chẵn./.*).

## CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Địa chỉ: 210 đường Trần Quang Khải, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ Quý III năm 2020 Mẫu số B09A-DN

- Trụ sở tại Thôn Bồng Lạng, xã Thanh Nghị, Huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam;
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại ngày 30/09/2020

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>
Công ty TNHH đầu tư và phát triển THD	88%	88%

#### + Công ty TNHH MTV Thaiholdings Hà Nam

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700840205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2020.
- Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700840205 cấp lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2020 là **20.000.000.000** đồng (*Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng chẵn./.*).
- Trụ sở tại Thôn 1 xã Phù Vân, Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam;
- Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tại ngày 30/09/2020

<u>Tên</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu (%)</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết (%)</u>
Công ty TNHH MTV Thaiholdings Hà Nam	100%	100%

## 2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2020 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2020 được lập nhằm mục đích đáp ứng yêu cầu về quản lý của Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Lãnh đạo Công ty và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Thaiholdings được lập trên cơ sở Báo cáo tài chính riêng của Công ty cổ phần Thaiholdings (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của Công ty TNHH đầu tư và phát triển THD (công ty con) và Công ty TNHH MTV Thaiholdings Hà Nam (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo tài chính của các công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty cổ phần Thaiholdings, Công ty TNHH MTV Thaiholdings Hà

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Quý III năm 2020**Mẫu số B09A-DN**

Nam và Công ty TNHH đầu tư và phát triển THD có loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của Công ty thay đổi phát sinh từ các khoản thu nhập được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư, như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Cơ sở hoạt động liên tục**

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG****4.1. Ước tính kế toán**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Mẫu số B09A-DN**

Quý III năm 2020

5 Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2020 đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2020 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.2. Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm tài chính.

**4.3. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Quý III năm 2020

Mẫu số B09A-DN

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

**4.4. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

***Tài sản cố định hữu hình***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
- Dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

**4.5. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

**4.6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng) và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

#### **4.7. Nợ phải trả**

Các khoản Nợ phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

#### **4.8. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán, chi phí thi công. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **4.9. Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **4.10. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

#### **4.11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong năm, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong năm.



**4.12. Nguyên tắc kế toán Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác

**4.13. Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

- Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ: 10%

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**4.14. Bù trừ các công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**4.16. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Mẫu số B09A-DN**

Quý III năm 2020

các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực Kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Địa chỉ: Số 210 đường Trần Quang Khải, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 01a-DN/HN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>757.128.077.104</b>	<b>180.282.719.450</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>21.419.187.219</b>	<b>10.307.089.928</b>
1. Tiền	111		21.419.187.219	307.089.928
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>688.501.692.371</b>	<b>169.953.001.770</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	556.736.878.439	169.828.364.177
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	3.340.893.470	209.455.400
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
3. Các khoản phải thu khác	136	5.4	128.517.220.462	8.482.193
4. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.8	(93.300.000)	(93.300.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.5</b>	<b>45.398.406.896</b>	-
1. Hàng tồn kho	141		45.398.406.896	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.808.790.618</b>	<b>22.627.752</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	119.181.064	22.627.752
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.689.609.554	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	153	5	-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>915.669.999.839</b>	<b>670.217.784.395</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>500.000.000</b>	<b>500.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	500.000.000	500.000.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.231.004.373</b>	<b>3.574.894.373</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	3.231.004.373	3.574.894.373
- Nguyên giá	222		4.790.699.282	4.790.699.282
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.559.694.909)	(1.215.804.909)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.12</b>	-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.7</b>	<b>652.457.455</b>	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		652.457.455	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9</b>	<b>637.524.187.453</b>	<b>637.524.187.453</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		649.082.660.000	649.082.660.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(11.558.472.547)	(11.558.472.547)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>273.762.350.558</b>	<b>28.618.702.569</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	273.762.350.558	28.618.702.569
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.672.798.076.943</b>	<b>850.500.503.845</b>

o cáo tài chính này phải được đọc chung với thuyết minh kèm theo

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Địa chỉ: Số 210 đường Trần Quang Khải, Trảng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Mẫu số B 01a-DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2020

Đơn vị tính: VND

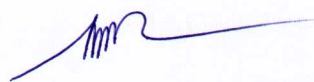
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/09/2020	01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>993.863.526.267</b>	<b>246.307.090.995</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>683.709.589.107</b>	<b>194.528.304.504</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	589.059.100.612	129.897.877.620
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	32.444.673.321	22.500.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5	17.892.984.465	15.530.841.533
4. Phải trả người lao động	314		1.508.513.453	538.817.498
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	27.358.356	26.482.192
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		26.378.042.278	7.750.089.562
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	218.916.622	384.196.099
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	16.180.000.000	17.900.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>310.153.937.160</b>	<b>51.778.786.491</b>
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		258.503.192.797	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	51.650.744.363	5.778.786.491
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	-	46.000.000.000
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.18</b>	<b>678.934.550.676</b>	<b>604.193.412.850</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		539.000.000.000	539.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		539.000.000.000	539.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		135.025.056.998	65.193.412.850
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		72.718.790.106	17.647.033.345
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		62.306.266.892	47.546.379.505
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.909.493.678	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.672.798.076.943</b>	<b>850.500.503.845</b>

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2020

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Thị Trang



Nguyễn Thị Thanh Hà



Vu Đình Hưng

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Địa chỉ: Số 210 đường Trần Quang Khải, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BAO CAO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 02a-DN/HN

Quý III năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm Nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	697.807.286.146	139.308.479.471	1.166.572.335.796	376.834.439.692
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11.369.108.316	-	11.369.108.316	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		686.438.177.830	139.308.479.471	1.155.203.227.480	376.834.439.692
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	619.775.828.753	143.953.360.787	1.065.488.722.659	349.745.683.404
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		66.662.349.077	(4.644.881.316)	89.714.504.821	27.088.756.288
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	7.090.276	395.222	15.507.054	1.415.088
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.219.958.330	(21.269.697.392)	3.030.127.304	(19.905.006.981)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		426.403.562	655.956.165	1.223.877.536	2.020.646.576
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết			-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25		432.347.914	129.157.875	830.992.992	129.157.875
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	3.427.322.704	1.932.053.746	7.975.497.782	5.623.031.190
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.589.810.405	14.563.999.677	77.893.393.797	41.242.989.292
12. Thu nhập khác	31		9.517.081.195	-	9.517.081.195	-
13. Chi phí khác	32	6.5	226.277	92.811.318	479.621.752	92.823.018
14. Lợi nhuận khác	40		9.516.854.918	(92.811.318)	9.037.459.443	(92.823.018)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70.106.665.323	14.471.188.359	86.930.853.240	41.150.166.274
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	12.244.331.184	3.076.688.988	15.887.499.179	8.766.841.641
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		57.862.334.139	11.394.499.371	71.043.354.061	32.383.324.633
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của công ty mẹ	61		56.650.624.226	11.394.499.371	69.831.644.148	11.394.499.371
20. Lợi nhuận sau thuế TNDN của cổ đông không kiểm soát	62		1.211.709.913	-	1.211.709.913	-
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					

NGƯỜI LẬP



Đỗ Thị Trang

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Hà



**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Địa chỉ: Số 210 đường Trần Quang Khải, Trảng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 03a-DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Quý III năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>86.930.853.240</b>	<b>41.150.166.274</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		343.890.000	343.890.000
- Các khoản dự phòng	03		-	(11.558.472.547)
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			(31.743)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(9.532.587.994)	(2.184.979)
- Chi phí lãi vay	06		1.223.877.536	2.020.646.576
- Các khoản điều chỉnh khác	07			-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>78.966.032.782</b>	<b>31.954.013.581</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(315.380.563.553)	(58.426.121.874)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(32.830.605.235)	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		584.766.965.607	78.636.054.935
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(245.240.201.301)	(9.337.722.562)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.223.877.536)	(2.047.128.768)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(12.557.605.359)	(3.108.619.639)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17			-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>56.500.145.405</b>	<b>37.670.475.673</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	70.151.160.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		2.316.444.832	(649.082.660.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	78.440.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.507.054	1.383.345
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.331.951.886</b>	<b>(500.490.116.655)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Địa chỉ: Số 210 đường Trần Quang Khải, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 03a-DN/HN

(Tiếp theo)

Theo phương pháp gián tiếp

Quý III/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	402.066.000.000
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu				
2. mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		32.230.000.000	86.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(79.950.000.000)	(26.700.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(47.720.000.000)</b>	<b>461.366.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>11.112.097.291</b>	<b>(1.453.640.982)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>10.307.089.928</b>	<b>10.686.199.710</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>21.419.187.219</b>	<b>9.232.558.728</b>

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2020

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Đỗ Thị Trang

Nguyễn Thị Thanh Hà

Vũ Đình Hưng

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/09/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
Tiền mặt	11.713.199.582	114.051.403
Tiền gửi ngân hàng	9.705.987.637	193.038.525
Các khoản tương đương tiền (*)	-	10.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>21.419.187.219</b>	<b>10.307.089.928</b>

**5.2 Phải thu khách hàng**

	<b>30/09/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>556.736.878.439</b>	<b>169.828.364.177</b>
Phải thu khách hàng trong nước (chi tiết chiếm từ 10% trở lên trên tổng khoản phải thu)	392.519.005.540	164.325.933.603
- Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Sunrise		164.325.933.603
- Công ty TNHH XNK dịch vụ thương mại Hà Nội	60.159.090.000	
- Công ty TNHH XNK thương mại Tú Cường	53.378.339.820	
- Công ty TNHH Sản xuất XNK ABP Việt Nam	125.828.826.720	
- Công ty TNHH Đức Hạnh Hà Nam	153.152.749.000	
Phải thu khách hàng khác	164.217.872.899	5.502.430.574
<b>Cộng</b>	<b>556.736.878.439</b>	<b>169.828.364.177</b>
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>		
<b>c) Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan</b>		
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Xuân Thành		1.101.415.630
- Tổng công Bảo hiểm Xuân Thành	1.213.991.464	838.169.336
<b>Cộng</b>	<b>1.213.991.464</b>	<b>1.939.584.966</b>

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<b>30/09/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
Công ty TNHH PKF Việt Nam		95.000.000
Công ty TNHH siêu siêu nhỏ	62.414.070	
Công ty CP Tư vấn Công nghệ Thiết bị và kiểm định xây dựng Coninco	69.300.000	69.300.000
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh bất động sản Vland Việt Nam	100.000.000	
Công ty cổ phần Tập đoàn CCD Việt Nam	2.014.024.000	
Công ty cổ phần du lịch Kim Liên	1.050.000.000	
Các công ty khác	45.155.400	45.155.400
<b>Cộng</b>	<b>3.340.893.470</b>	<b>209.455.400</b>

**5.4 Phải thu khác**

	<b>30/09/2020</b>		<b>01/01/2020</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>128.517.220.462</b>	-	<b>8.482.193</b>	-
- Phải thu khác	16.002.220.462	-	-	-
- Tạm ứng	3.000.000.000	-	-	-
<i>Chi tiết:</i>				
+ Ông Phạm Công Chiến	3.000.000.000			



**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Địa chỉ: Số 210 đường Trần Quang Khải, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Quý III/2020

Đơn vị tính: VND

- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược (i)	109.515.000.000	-	-	-
- Phải trả người lao động(dư Nợ)				
- <i>Phải trả, phải nộp khác(dư Nợ)</i>	-	-	8.482.193	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>500.000.000</b>	-	<b>500.000.000</b>	-
- Phải thu dài hạn khác				-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	500.000.000	-	500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>129.017.220.462</b>	-	<b>508.482.193</b>	-
<b>5.5 Hàng tồn kho</b>				
	<b>30/09/2020</b>		<b>01/01/2020</b>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường				-
Nguyên vật liệu	1.994.321.409	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí SXKD dở dang	43.404.085.487	-	-	-
Thành phẩm nhập kho	-	-	-	-
Hàng hóa	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>45.398.406.896</b>	-	-	-
<b>5.6 Chi phí trả trước</b>				
			<b>30/09/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>			<b>119.181.064</b>	<b>22.627.752</b>
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng			119.181.064	22.627.752
<b>b) Dài hạn</b>			<b>273.762.350.558</b>	<b>28.618.702.569</b>
- Chi phí thuê lô đất tại 2 B Lê Phụng Hiểu(i)			20.417.959.090	6.954.495.232
- Chi phí thuê VP tại 17 Tông Đản (ii)			253.218.008.600	21.575.841.500
- Chi phí công cụ dụng cụ			126.382.868	88.365.837
<b>Cộng</b>			<b>273.881.531.622</b>	<b>28.641.330.321</b>
<b>5.7 Tài sản dở dang dài hạn</b>				
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
<b>b) Xây dựng cơ bản dở dang</b>			<b>30/09/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
- Xây dựng cơ bản			652.457.455	-
<b>Cộng</b>			<b>652.457.455</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Địa chỉ: Số 210 đường Trần Quang Khải, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)****Mẫu số B 09a-DN/HN**

Quý III/2020

**5.8 . NỢ XẤU**

Đơn vị tính : VND

	30/09/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>93.300.000</b>	<b>-</b>	<b>(93.300.000)</b>	<b>93.300.000</b>	<b>-</b>	<b>(93.300.000)</b>
Công ty CP Thiết kế Kỹ thuật và Xây lắp Thịnh Phát	24.000.000		(24.000.000)	24.000.000		(24.000.000)
Công ty CP tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng Coninco	69.300.000		(69.300.000)	69.300.000		(69.300.000)
<b>Cộng</b>	<b>93.300.000</b>	<b>-</b>	<b>(93.300.000)</b>	<b>93.300.000</b>	<b>-</b>	<b>(93.300.000)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Địa chỉ: Số 210 đường Trần Quang Khải, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Quý III/2020

**5.9 Các khoản đầu tư tài chính**

Đơn vị tính : VND

	30/09/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>						
<b>b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	-	-	-	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	-	-	-	-	-	-
<b>c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>649.082.660.000</b>	<b>(*)</b>	<b>(11.558.472.547)</b>	<b>649.082.660.000</b>	<b>(*)</b>	<b>(11.558.472.547)</b>
Công ty CP Du lịch Kim Liên- tỷ lệ quyền biểu quyết 17.2% (i)	365.082.660.000	(*)		365.082.660.000	(*)	
Công ty CP Tôn Đản Hà Nội- tỷ lệ quyền biểu quyết 19.52% (ii)	284.000.000.000	(*)	(11.558.472.547)	284.000.000.000	(*)	(11.558.472.547)
<b>Cộng</b>	<b>649.082.660.000</b>		<b>(11.558.472.547)</b>	<b>649.082.660.000</b>	<b>(*)</b>	<b>(11.558.472.547)</b>

(i) Theo Nghị quyết số 2803/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2019 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thông qua phương án đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên. Theo Nghị quyết số 1904/2019/NQ-HĐQT ngày 19/04/2019 của Hội đồng Quản trị, Công ty thực hiện mua phần cổ phần của Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên với giá mua 305.100 VND/cổ phần vào ngày 24/04/2019. Giá giao dịch cổ phiếu được xác định trên cơ sở Chứng thư thẩm định giá số 190419/TĐG-CT ngày 19/04/2019 do Công ty TNHH Kiểm toán Asco phát hành cho mục đích tham khảo làm cơ sở mua bán cổ phiếu, giá tham khảo là 304.914VND/cổ phần. Giá trị đầu giá của cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên tại ngày 27/04/2018 là 305.053VND/cổ phần. Sau khi nhận chuyển nhượng, tổng số cổ phần Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên là 1.196.600 cổ phần, chiếm 17,2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên.

(ii) Theo Nghị quyết số 2803/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/03/2019 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thông qua phương án đầu tư vào Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội. Theo Nghị quyết số 2903/2019/NQ-HĐQT ngày 29/03/2019 của Hội đồng Quản trị, Công ty thực hiện mua phần cổ phần của Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội với giá mua 20.000 VND/cổ phần vào ngày 29/03/2019. Giá giao dịch cổ phiếu được xác định trên cơ sở Chứng thư thẩm định giá số 050319/TĐG-CT ngày 05/03/2019 do Công ty TNHH Kiểm toán Asco phát hành cho mục đích tham khảo làm cơ sở mua bán cổ phiếu, giá tham khảo là 25.435VND/cổ phần. Sau khi nhận chuyển nhượng, tổng số cổ phần Công ty sở hữu tại Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội là 14.200.000 cổ phần, chiếm 19,52% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội.

**Các giao dịch chủ yếu của Công ty với các công ty đầu tư góp vốn vào**

Thuê văn phòng của Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội	320.306.076.586 VND
Thanh toán tiền thuê Văn phòng	194.310.371.072 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Địa chỉ: Số 210 đường Trần Quang Khải, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Quý III/2020

**5.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	272.727.273		4.448.881.100	69.090.909		4.790.699.282
Tăng trong kỳ						
- Mua trong kỳ						
Giảm trong kỳ						
Số dư cuối kỳ	272.727.273		4.448.881.100	69.090.909		4.790.699.282
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	71.568.000		1.075.146.000	69.090.909		1.215.804.909
Tăng trong kỳ	3.408.000		340.482.000			343.890.000
- Số khấu hao trong kỳ	3.408.000		340.482.000			343.890.000
- Tăng khác						
Giảm trong kỳ						
Số dư cuối kỳ	74.976.000		1.415.628.000	69.090.909		1.559.694.909
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu kỳ	201.159.273		3.373.735.100			3.574.894.373
2. Tại ngày cuối kỳ	197.751.273		3.033.253.100			3.231.004.373

- Nguyên giá tài sản đã khấu hao hết, đang sử dụng:

69.090.909

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Địa chỉ: Số 210 đường Trần Quang Khải, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Quý III/2020

**5.11 Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	30/09/2020				01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>16.180.000.000</b>	<b>16.180.000.000</b>	<b>32.230.000.000</b>	<b>33.950.000.000</b>	<b>17.900.000.000</b>	<b>17.900.000.000</b>
<b>Vay ngân hàng VND</b>	<b>16.180.000.000</b>	<b>16.180.000.000</b>	<b>16.180.000.000</b>	<b>17.900.000.000</b>	<b>17.900.000.000</b>	<b>17.900.000.000</b>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Trung Yên	16.180.000.000	16.180.000.000	16.180.000.000	17.900.000.000	17.900.000.000	17.900.000.000
<b>Vay cá nhân và tổ chức khác (3)</b>	-	-	<b>16.050.000.000</b>	<b>16.050.000.000</b>	-	-
- Ông Đinh Xuân Tuấn	-	-	1.700.000.000	1.700.000.000	-	-
- Ông Nguyễn Đức Thụy	-	-	14.300.000.000	14.300.000.000	-	-
- Ông Phạm Trung Thành	-	-	50.000.000	50.000.000	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	-	-	-	<b>46.000.000.000</b>	<b>46.000.000.000</b>	<b>46.000.000.000</b>
Vay công ty CP Đầu tư Xây dựng và Sản Xuất Vũng Áng	-	-	-	46.000.000.000	46.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>16.180.000.000</b>	<b>16.180.000.000</b>	<b>32.230.000.000</b>	<b>79.950.000.000</b>	<b>63.900.000.000</b>	<b>63.900.000.000</b>

Chi tiết các khoản vay như sau:

(i) Hợp đồng tín dụng số **1302-LAV-2020000582** ngày **01/09/2020** ký với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Trung Yên, hạn mức tín dụng 16.180.000.000 VND, thời hạn cấp tín dụng: 04 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng tín dụng, thời gian vay được cụ thể trong các Giấy nhận nợ nhưng tối đa là 06 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 8.5%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần. Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua hàng hóa theo Hợp đồng nguyên tắc số 01.03/2019/HĐNT/VA-THS ngày 01/03/2019. Khoản vay được đảm bảo bằng biện pháp bảo đảm cụ thể như sau: Tài sản của Công ty là xe ô tô nhãn hiệu LEXUS LX 570 mang biển đăng ký 30E-736.85 giá trị 6.080.000.000 đồng; Tài sản của bên thứ 3 là giá trị quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất Số: CB 832278 giá trị 18.000.000.000 đồng.

(\*) Hợp đồng vay cá nhân phát sinh trong kỳ với kỳ hạn 8 tháng, lãi suất 0%, dưới hình thức vay tín chấp

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Địa chỉ: Số 210 đường Trần Quang Khải, Trảng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Quý III/2020

Đơn vị tính: VND

**5.12 Lợi thế thương mại**

a) Ngắn hạn

b) Dài hạn

**Giá trị lợi thế thương mại đầu năm**

-

Lợi thế thương mại tăng trong kỳ

-

Giá trị lợi thế thương mại giảm do chuyển

nhượng một phần vốn góp

-

Giá trị lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ

-

**Giá trị còn lại của lợi thế thương mại tại ngày****cuối kỳ kế toán**

-

**Cộng**

-

**5.13 Phải trả người bán****30/09/2020****01/01/2020**

	30/09/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>589.059.100.612</b>	<b>589.059.100.612</b>	<b>129.897.877.620</b>	<b>129.897.877.620</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên Công ty TNHH Đầu tư TM Xuân Thành	465.511.964.874	465.511.964.874	132.175.149.404	132.175.149.404
Piet Boon studio	6.218.611.000	6.218.611.000	6.218.611.000	6.218.611.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và SX Vũng Áng	1.044.379.000	1.044.379.000	1.044.379.000	1.044.379.000
Công ty CP XNK và phát triển thương mại An Bình	-	-	119.276.351.394	119.276.351.394
Công ty CP XNK Đầu tư An Bình	144.665.616.960	144.665.616.960		
Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	123.140.054.900	123.140.054.900		
Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	125.995.705.514	125.995.705.514	2.817.904.005	2.817.904.005
Công ty cổ phần Tập đoàn Đức Thịnh	64.447.597.500	64.447.597.500	2.817.904.005	2.817.904.005
Các khoản phải trả người bán khác	123.547.135.738	123.547.135.738	2.277.271.784	2.277.271.784
<b>Cộng</b>	<b>589.059.100.612</b>	<b>589.059.100.612</b>	<b>129.897.877.620</b>	<b>129.897.877.620</b>
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>				
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	144.665.616.960	144.665.616.960	2.817.904.005	2.817.904.005
Công ty TNHH Đầu tư TM Xuân Thành	6.218.611.000	6.218.611.000	6.218.611.000	6.218.611.000
<b>Cộng</b>	<b>150.884.227.960</b>	<b>150.884.227.960</b>	<b>9.036.515.005</b>	<b>9.036.515.005</b>

**5.14 Người mua trả tiền trước****30/09/2020****01/01/2020****a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Các khoản phải trả người

bán chiếm từ 10% trở lên

26.582.646.489

22.500.000.000

Ông Nguyễn Đức Thụy (\*)

22.500.000.000

Công ty TNHH Xuân Thu Đại Phát

16.985.613.181

Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Vinakanto

5.646.035.858

Công ty TNHH VLXD Hương Bông

3.950.997.450

- Các khoản người mua trả tiền trước khác

5.862.026.832

**Cộng****32.444.673.321****22.500.000.000**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Địa chỉ: Số 210 đường Trần Quang Khải, Trảng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**  
Quý III/2020Mẫu số B 09a-DN/HN  
Đơn vị tính: VND**b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan**

Ông Nguyễn Đức Thụy	22.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>- 22.500.000.000</b>

**5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

a) Phải nộp	01/01/2020	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/bù trừ trong kỳ	30/09/2020
- Thuế GTGT	2.870.653.595	46.736.153.570	47.977.800.301	1.629.006.864
- Thuế TNDN	12.557.605.359	16.183.727.867	12.557.605.359	16.183.727.867
- Thuế TNCN	37.086.561	139.772.592	162.105.437	14.753.716
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	65.496.018	1.130.827.515	1.130.827.515	65.496.018
<b>Cộng</b>	<b>15.530.841.533</b>	<b>64.190.481.544</b>	<b>61.828.338.612</b>	<b>17.892.984.465</b>
<b>b) Phải thu</b>				
- Thuế GTGT khấu trừ				
- Thuế TNDN	-			
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.16 Chi phí phải trả**

	30/09/2020	01/01/2020
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>27.358.356</b>	<b>26.482.192</b>
- Trích trước chi phí lãi ngân hàng NN Trung yên	27.358.356	26.482.192
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>27.358.356</b>	<b>26.482.192</b>

**5.17 Các khoản phải trả khác**

	30/09/2020	01/01/2020
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>218.916.622</b>	<b>384.196.099</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược	-	250.000.000
- Kinh phí công đoàn	59.372.302	38.422.020
- Bảo hiểm xã hội	47.449.380	73.617.630
- Bảo hiểm y tế	8.373.420	13.468.229
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.721.520	8.688.220
- Phải trả phải nộp khác	100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>218.916.622</b>	<b>384.196.099</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	51.650.744.363	5.778.786.491
Ngân hàng TMCP Quân đội	1.412.658.228	1.412.658.228
Ông Nguyễn Trọng Đại	1.374.735.780	1.374.735.780
Hanwha Energy Corporation Singapore	922.539.150	922.539.150
Công ty TNHH Đầu tư central capital	851.192.185	851.192.185
Công ty TNHH Tân Phát New Development	528.122.876	528.122.876
Công ty CP giải trí Trảng An		500.000.000
Công ty CP Đầu tư tài chính Hoàng Minh	189.538.272	189.538.272
Công ty TNHH WireCard Việt Nam	474.714.240	
Công ty TNHH Nuplex Resins Việt nam	153.846.000	
Công ty CP Quản lý Quỹ trí tuệ VN	513.397.632	
Công ty ICMC Việt Nam	100.000.000	
Công ty cổ phần Encalve Phú Quốc	45.000.000.000	

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Địa chỉ: Số 210 đường Trần Quang Khải, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Quý III/2020

Đơn vị tính: VND

Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng Lửa Việt	30.000.000	
Công ty cổ phần thiết kế Lục Giác	100.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>51.650.744.363</b>	<b>5.778.786.491</b>

**5.18 Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>136.934.000.000</b>	-	<b>17.647.033.345</b>	<b>154.581.033.345</b>
Tăng vốn trong năm trước	402.066.000.000			402.066.000.000
Lãi trong năm trước			47.546.379.505	47.546.379.505
Tăng khác				-
Giảm vốn trong năm trước				-
Phân phối lợi nhuận			-	-
Giảm khác			-	-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>539.000.000.000</b>	-	<b>65.193.412.850</b>	<b>604.193.412.850</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	2.400.000.000		2.400.000.000
Lãi trong kỳ		1.211.709.913	69.831.644.148	71.043.354.061
Tăng khác		1.297.783.765		1.297.783.765
Giảm vốn trong kỳ				-
Phân phối lợi nhuận			-	-
Lỗ trong kỳ			-	-
Giảm khác			-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>539.000.000.000</b>	<b>4.909.493.678</b>	<b>135.025.056.998</b>	<b>678.934.550.676</b>

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ sở hữu	30/09/2020	01/01/2020
Ông Nguyễn Đức Thụy	20.00%	107.800.000.000	107.800.000.000
Ông Trịnh Văn Hải	4.50%	24.255.000.000	24.255.000.000
Bà Lê Thúy An	4.05%	21.856.000.000	21.856.000.000
Ông Trịnh Văn Quỳnh	4.00%	21.560.000.000	21.560.000.000
Ông Nguyễn Văn Tân	4.00%	21.560.000.000	21.560.000.000
Ông Nguyễn Cao Cường	3.90%	21.021.000.000	21.021.000.000
Các cổ đông khác	59.55%	320.948.000.000	320.948.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>539.000.000.000</b>	<b>539.000.000.000</b>

**b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn góp đầu năm	539.000.000.000	136.934.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	402.066.000.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	539.000.000.000	539.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
<b>Cổ phiếu</b>	<b>30/09/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>53.900.000</b>	<b>53.900.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>53.900.000</b>	<b>53.900.000</b>
- Cổ phiếu phổ thông	53.900.000	53.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>53.900.000</b>	<b>53.900.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Địa chỉ: Số 210 đường Trần Quang Khải, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**

**Mẫu số B 09a-DN/HN**

**Quý III/2020**

*Đơn vị tính: VND*

- Cổ phiếu phổ thông	53.900.000	53.900.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế	56.650.624.226	11.394.499.371
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	53.900.000	13.693.400
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.051</b>	<b>832</b>
<b>Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>30/09/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Quỹ đầu tư phát triển	-	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ</b>		
<b>6.1 Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Quý III/2020</b>	<b>Quý III/2019</b>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán thực phẩm	515.500.649.540	
- Doanh thu bán VLXD	108.748.532.647	115.530.876.648
- Doanh thu cho thuê Văn phòng	31.441.251.841	3.323.057.368
- Doanh thu khác	42.116.852.118	20.454.545.455
<b>Cộng</b>	<b>697.807.286.146</b>	<b>139.308.479.471</b>
<b>Doanh thu các bên liên quan</b>	<b>714.024.030</b>	<b>405.217.662</b>
Tổng công ty Bảo Hiểm Xuân Thành	714.024.030	405.217.662
<b>Cộng</b>	<b>714.024.030</b>	<b>405.217.662</b>
<b>6.2 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Giá vốn bán bán thực phẩm	474.845.673.960	
- Giá vốn bán bán vật liệu xây dựng	124.160.987.302	141.740.339.322
- Giá vốn cho thuê văn phòng	20.769.167.491	2.213.021.465
- Giá vốn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>619.775.828.753</b>	<b>143.953.360.787</b>
<b>6.3 Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lãi tiền gửi, cho vay	7.090.276	395.222
Lãi từ đầu tư	-	
<b>Cộng</b>	<b>7.090.276</b>	<b>395.222</b>
<b>6.4 Chi phí tài chính</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lãi vay	2.219.958.330	405.715.070
<b>Cộng</b>	<b>2.219.958.330</b>	<b>405.715.070</b>
<b>6.5 Chi phí khác</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Các khoản chi phí khác	226.277	(92.811.318)
<b>Cộng</b>	<b>226.277</b>	<b>(92.811.318)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Địa chỉ: Số 210 đường Trần Quang Khải, Trảng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**  
**Quý III/2020**

Mẫu số B 09a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>6.6 Thu nhập khác</b>		
Thu nhập chênh lệch mua rẻ	9.517.081.195	-
<b>Cộng</b>	<b>9.517.081.195</b>	<b>-</b>
<b>6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	3.338.201.451	1.932.053.746
Chi phí khấu hao tài sản cố định	343.890.000	
Chi phí nhân công	2.420.956.615	1.507.893.886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	573.354.836	353.863.194
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	89.121.253	70.296.666
<b>Cộng</b>	<b>3.427.322.704</b>	<b>1.932.053.746</b>
<b>6.8 Các khoản chi phí bán hàng:</b>	<b>422.347.914</b>	<b>129.157.875</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	422.347.914	129.157.875
+ Chi phí nhân công	271.801.498	
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	150.546.416	129.157.875
- Chi phí bán hàng khác		
<b>Cộng</b>	<b>422.347.914</b>	<b>129.157.875</b>
<b>6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Quý III/2020</b>	<b>Quý III/2019</b>
Chi phí nhân công	2.692.758.113	1.932.053.746
Chi phí khấu hao tài sản cố định	354.522.129	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	723.901.252	720.127.580
Chi phí bằng tiền khác	89.121.253	129.157.875
<b>Cộng</b>	<b>3.860.302.747</b>	<b>2.061.211.621</b>
<b>6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	70.106.665.323	14.471.188.359
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.885.009.404	912.256.581
+ Chi phí không được trừ		912.256.581
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	8.885.009.404	-
Thu nhập chịu thuế	61.221.655.919	15.383.444.940
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.244.331.184	3.076.688.988
	<b>12.244.331.184</b>	<b>3.076.688.988</b>
<b>6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế	56.650.624.226	11.394.499.371
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	53.900.000	53.900.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.051</b>	<b>211</b>
<b>7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC</b>		
<b>7.1 Thông tin so sánh</b>		
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Thaiholdings đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam, Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2019 đã được kiểm toán của Vaco, Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2020 đã được kiểm toán của PKF,		
<b>7.2 Thông tin về hoạt động liên tục</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS**

Địa chỉ: Số 210 đường Trần Quang Khải, Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC (tiếp theo)**  
Quý III/2020

Mẫu số B 09a-DN/HN

Đơn vị tính: VND

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**7.3 Những thông tin khác**

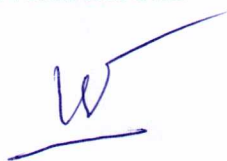
Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2020

**NGƯỜI LẬP**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đỗ Thị Trang**

**Nguyễn Thị Thanh Hà**

**Vũ Đình Hưng**